**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Tên bài học / chủ đề - khối lớp 9** | **Tuần 15** : **ÔN TẬP** **VĂN HỌC TRUNG ĐẠI** |
| **Hoạt động 1 :** Giúp HS :Ôn tập văn học trung đại Việt Nam thông qua các tác phẩm đã học . ( HKI ) | **HS ôn tập theo bảng hệ thống các văn bản trung đại đã học HKI.**  **Thực hành các câu hỏi ôn tập.** |

**BÀI GHI CỦA HỌC SINH**

**TUẦN 15: ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI(2 tiết)**

1. **Lý thuyết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản- Tác giả** | **Năm sáng tác** | **Nội dung chính** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| 1 | Chuyện người con gái Nam Xương- Nguyễn Dữ | Thế kỉ 16 | Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, niềm cảm thương số phận bi kịch của họ dưới chế độ phong kiến | Truyện truyền kì viết bằng chữ Hán; kết hợp các yếu tố hiện thực và yếu tố hoang đường kì ảo với cách kể chuyện, xây dựng nhân vật rất thành công |
| 2 | Hoàng Lê nhất thống chí- Ngô gia văn phái | Thế kỷ 18 | Vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong chiến công đại phá quân Thanh, sự thảm bại của bọn xâm lược và số phận bi thảm của lũ vua quan phản nước, hại dân. | Lối văn trần thuật đặc sắc kết hợp với miêu tả chân thực, sinh động |
| 3 | Truyện Kiều- Nguyễn Du | Cuối thế kỷ 18 , đầu 19 | Cảm hứng nhân văn, nhân đạo, sự trân trọng sắc đẹp, tài năng, phẩm cách con người | Bút pháp nghệ thuật ước lệ, nghệ thuật miêu tả và khắc hoạ hình tượng đặc sắc |
| 4 | Truyện Lục Vân Tiên- Nguyễn Đình Chiểu | Thế kỷ 18- 19 | Khắc hoạ những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật: Lục Vân Tiên tài ba dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài; Kiều Nguyệt Nga hiền hậu, nết na, ân tình. | Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, lối kể chuyện tự nhiên, sinh động |

1. **Thực hành**
2. Phân tích vẻ đẹp và số phận bi kịch của người phụ nữ trong hai tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương và Truyện Kiều.

**Gợi ý**

a. Vẻ đẹp của người phụ nữ trong hai tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương và Truyện Kiều

- Đẹp về cả nhan sắc và tâm hồn:

    + Kiều: hiếu thảo với cha mẹ, thủy chung với người yêu

    + Vũ Nương: thủy chung với chồng, chăm sóc mẹ già, và con nhỏ chu đáo

+ Luôn nhân hậu, vị tha, có khát vọng về hạnh phúc, công lý, chính nghĩa

b. Bi kịch

- Đau khổ, oan khuất:

    + Vũ Nương bị nghi oan, không minh oan được, phải gieo mình xuống dòng Hoàng Giang

    + Tình yêu tan vỡ: Thúy Kiều không thể trọn vẹn mối tình với Kim Trọng, cuộc đời Kiều lưu lạc 15 năm, trải qua nhiều cay đắng, đau khổ

- Nhân phẩm bị chà đạp: Vũ Nương bị chồng mắng mỏ, phải tự vấn. Thúy Kiều bị coi như món hàng hóa.

**2. Phân tích hình tượng các nhân vật Nguyễn Huệ ( Hoàng Lê nhất thống chí ( Hồi thứ mười bốn ) Lục Vân Tiên ( đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga )**

**Gợi ý**

**- Nhân vật Nguyễn Huệ:**

+Một con người có hành động mạnh mẽ quyết đoán .

+Một con người có trí tuệ sáng suốt

+ Ý chí quyết thắng, có tầm nhìn xa trông rộng .

+Tài dụng binh như thần

+ Lẫm liệt trên chiến trận

**- Nhân vật Lục Vân Tiên:**

   + Hào hiệp, trượng nghĩa, có lý tưởng sống

   + Thể hiện quan điểm đạo đức Nho gia, quan niệm đạo đức của nhân dân

**3.Nêu những nét chính về thời đại, gia đình và cuộc đời Nguyễn Du .**

**Gợi ý**

- Tiểu sử:

    + Nguyễn Du (1765 – 1820) quê làng Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh, sinh trưởng trong một gia đình đại quí tộc truyền thống về văn học

    + Cuộc đời Nguyễn Du gắn bó sâu sắc với biến cố lịch sử giai đoạn cuối thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX

    + Giai đoạn Nguyễn Du sinh sống vào thời kì đầy biến động, chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng, bão táp phong trào nông dân khởi nghĩa

    + Nguyễn Du sống phiêu bạt nhiều năm trên Bắc rồi về ở ẩn tại quê nội Hà Tĩnh, làm quan bất đắc dĩ với triều Nguyễn.

- Năm 1813 – 1814 ông được cử làm chánh sứ sang Trung Quốc. Năn 1820 ông được cử làm chánh sứ đi Trung Quốc lần hai nhưng chưa kịp thì bị bệnh, mất tại Huế

- Học vấn: Nguyễn Du là người sâu rộng, am hiểu văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc

- Sự nghiệp: Sự nghiệp văn học của Nguyễn Du bao gồm các tác phẩm có giá trị lớn bằng chữ Hán và Nôm

**4.Phân tích thành công nghệ thuật của truyện Kiều**

**Gợi ý**

Nghệ thuật Truyện Kiều:

- Tác phẩm là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại

 Nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc, từ nghệ thuật dẫn chuyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí con người

- Ngôn ngữ văn họ dân tộc và thể thơ lục bát đạt tới đỉnh cao rực rỡ.

 Nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc, từ nghệ thuật dẫn chuyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí con người.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Tên bài học / chủ đề - khối lớp 9** | **Tuần 15** : **ÔN TẬP**  **THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM** |
| **Hoạt động 1 :** Giúp HS :Ôn tập thơ hiện đại Việt Nam thông qua 3 tác phẩm đã học . | **HS ôn tập theo bảng hệ thống các văn bản thơ hiện đại đã học HKI.**  **Thực hành các câu hỏi ôn tập** |

**BÀI GHI CỦA HỌC SINH**

**Tuần 15 :ÔN TẬP THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT (3 tiết)**

1. **Lý thuyết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên bài thơ – Tác giả | Năm sáng tác và thể loại | Nội dung | Nghệ thuật |
| Đồng chí – Chính Hữu | 1948 - tự do | Bài thơ ca ngợi tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng của những người lính vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp | Hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thật, cô đọng và biểu cảm |
| Bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật | 1969 - tự do | Hình ảnh những chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm chống Mĩ với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng Miền Nam. | Hình ảnh hiện thực sinh động, giọng điệu khỏe khoắn, giàu tính khẩu ngữ  Hình ảnh thơ độc đáo, ngôn từ có tính khẩu ngữ gần với văn xuôi. |
| Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận | 1958 - thơ bảy chữ | Bài thơ là sự kết hợp hài hoà giữa cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng về lao động và cuộc sống mới. Qua đó, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của con người lao động được làm chủ thiên nhiên và làm chủ cuộc sống của mình | Hình ảnh đẹp, rộng lớn, tráng lệ và sáng tạo, giàu sức liên tưởng, âm hưởng khỏe khoắn, lạc quan |
| Bếp lửa- Bằng Việt | 1963- tự do | Gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước. | thơ sáng tạo “Bếp lửa” mang nhiều ý nghĩa biểu tượng.  - Giọng điệu và thể thơ phù hợp với cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm. |

**II.Thực hành**

1. Cảm nhận của em về hình ảnh người lính trong 2 bài thơ : Đồng chí ( Chính Hữu ),Bài thơ về tiểu đội xe không kính ( Phạm Tiến Duật )

**Gợi ý**

   - Hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng chí” : Vẻ đẹp bình dị mà cao cả của anh bộ đội Cụ Hồ xuất thân từ nông dân, bước vào đời lính với những gian lao khốn khó, nhưng vẫn sáng ngời tình đồng chí đồng đội sâu sắc.

   - Trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính : Hình ảnh người lính với vẻ đẹp của những chàng trai có tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, coi thường gian khổ hiểm nguy với tâm hồn sôi nổi trẻ trung, lạc quan yêu đời, tình đồng đội thắm thiết, ý chí chiến đấu mãnh liệt vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

**2.Phân tích bút pháp xây dựng hình ảnh thơ trong bài thơ : Đồng Chí ( Chính Hữu), Đoàn thuyền đánh cá ( Huy Cận )**

**Gợi ý**

Bút pháp xây dựng hình ảnh thơ:

   - *Đồng chí* (Chính Hữu): Hình ảnh chân thực, chi tiết sinh động, ngôn ngữ giản dị và cô đọng, giàu sức biểu cảm.

   - *Đoàn thuyền đánh cá* (Huy Cận): Lời thơ dõng dạc, điệu thơ như khúc hát say mê, hào hứng, phơi phới niềm vui của người lao động.

**3.Phân tích hình ảnh biểu tượng : đầu súng trăng treo ( trong bài Đồng chí )**

**Gợi ý**

    Hình ảnh biểu tượng *đầu súng trăng treo* (Đồng chí) : tính biểu tượng, gợi liên tưởng phong phú : *súng và trăng* là gần và xa, hiện thực và lãng mạn,… Đó là những nét phẩm chất tâm hồn của người lính, cũng có thể xem là một biểu tượng của thơ ca kháng chiến – nền thơ kết hợp nhuần nhuyễn hiện thực và cảm hứng cách mạng.

**4.Những chiếc xe không kính đã làm nổi bật hình ảnh người lái xe trên tuyến đường Trường Sơn. Phân tích hình ảnh người lính lái xe trong bài thơ:**

**Gợi ý**

- Tư thế hiên ngang, sảng khoái, ung dung: “Ung dung buồng lái ta ngồi”, họ đường hoàng ngồi vào buồng lái, điều khiển chiếc xe chạy giữa chiến trường mưa bom bão đạn.

- Tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn, nguy hiểm, họ mặc kệ gió vào mắt, mặc kệ mưa bom, bão đạn, vẫn ung dung cho xe chạy.

- Niềm vui sôi nổi của tuổi trẻ trong tình đồng đội: “Nhìn nhau mặt lấm cười haha”, “Chưa cần thay lái trăm cây số nữa/ Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi”, họ gặp nhau, bắt tay nhau qua cửa kính, chia sẻ với nhau những khó khăn, gian khổ, hiểm nguy.

- Ý chí chiến đấu vì miền Nam: họ là những thanh niên tiêu biểu cho thế hệ trẻ miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

**5.Trong bài “ Đoàn thuyền đánh cá “ Hình ảnh người lao động và công việc của họ được miêu tả trong không gian nào? Bằng những biện pháp nghệ thuật gì, tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp và sức mạnh của con người trước thiên nhiên vũ trụ.**

**Gợi ý**

Bài thơ miêu tả trọn vẹn một đêm lao động trên biển của đoàn thuyền đánh cá. Hai khổ thơ đầu là cảnh ra khơi. Khung cảnh thiên nhiên dẫu chỉ phác hoạ ít nét mà vẫn cho ta cảm nhận được vẻ chắc nịch, thấm đậm không khí khẩn tr­ương của một buổi xuất bến ra khơi. Hai câu thơ đầu gợi tả sự vận động của thời gian, mặt trời xuống biển, từng đợt sóng gợn những nét ngang luân chuyển qua lại như­ then cửa và mặt trời xuống đến đâu, cánh cửa đêm nh­ư đ­ược kéo xuống đến đó. Khi những ánh sáng mặt trời tắt hẳn cũng là lúc “sóng đã cài then”, “đêm sập cửa”. Đúng thời điểm ấy, trong không gian của một đêm đã bắt đầu bừng sáng tiếng hát của ngư­ dân.

Đó không phải là ánh sáng của thanh âm, đó là khúc hát lãng mạn cất lên từ lòng tin, từ tình yêu lao động, của sắc "*cá bạc"* đan dệt thành. Những vần trắc trong khổ thơ đầu (*lửa*, *cửa*, *khơi*, *khơi*) hoà điệu cùng khúc hát, rất có giá trị trong việc gợi tả vẻ thoáng đạt, sáng láng ấy. Một cách tự nhiên, những vần thơ mở đầu hút ngư­ời đọc vào không khí lao động của ngư­ dân lúc nào không hay.

Bốn khổ thơ tiếp theo là cảnh lao động trên biển đêm. Những khổ thơ này tập trung nhiều hình ảnh tráng lệ, vẻ tráng lệ đã đ­ược gợi ra từ đầu bài thơ với hình ảnh “*Mặt trời*… *như hòn lửa*“. Đến đây, cảnh đánh cá đêm trên biển được miêu tả hết sức sinh động. Đó là những động từ mạnh mẽ (*lái gió*, *l­ướt*, *dàn đan*, *quẫy*, *kéo xoăn tay*,…), là những hình ảnh gợi tả cái kì vĩ, lớn lao (*mây cao*, *biển bằng*, *dặm xa*, *bụng biển*, *thế trận*, *vây giăng*, *đêm thở*), là những sắc màu lộng lẫy, rực rỡ như­ trẩy hội, và cả những nét thơ mộng, bay bổng (*buồm trăng*, *lấp lánh đuốc đen hồng*, *trăng vàng choé*, *sao lùa*, *vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông*, *nắng hồng*,…). Vẻ đẹp của biển trời hoà quyện với vẻ đẹp của con ng­ời lao động dệt lên bức tranh tráng lệ, rạo rực sức sống, rạng rỡ vẻ đẹp giàu say lòng ngư­ời. Có lẽ không ở đâu nữa vẻ đẹp và cái nguồn sống bất tận diệu kì của biển Đông lại đẹp hơn ở những câu thơ này :

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé,*

*Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,*

*Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé,*

*Đêm thở: sao lùa n­ước Hạ Long.*

Chỉ một hình ảnh “Đêm thở” mà ta như­ thấy cả màn đêm phập phồng, thấy cả gió, cả sóng nước. Theo nhịp thở của vũ trụ, ngàn con sóng dồn đuổi ánh lên những đợt vàng sáng lấp lánh của vẩy cá phản chiếu ánh trăng, của ánh trăng, của sao. Thật huyền diệu!

**HẾT**